

Bản án số: 62A/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 11- 5 - 2022  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Võ Thị Thanh Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Quốc Toàn  
Bà Võ Thị Thanh Thủy

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

(Anh P và chị H cùng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản khai và đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt của nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh P trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh P chị H có tổ chức đám cưới vào năm 1995, đến ngày 25/8/2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Anh chị chung sống đến năm 2013 thì phát mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không còn chung sống với nhau cách nay khoảng 08 năm, hiện tại anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa. Do vậy, anh P có yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh P và chị H có các con chung là Nguyễn Hữu B, sinh ngày 13/8/1995 và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 02/7/2006. Đối với Nguyễn Hữu B đã

thành niên tự lao động sinh sống được, còn đối với Nguyễn Thị Thu N đồng ý để cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, do chị H không có yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu Ngân nên anh không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu xem xét giải quyết;

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

*Theo bản khai và đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt của bị đơn là chị Ngô Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị H trình bày thống nhất với anh P về thời điểm kết hôn, chị cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cách nay khoảng 10 năm anh P sống không chung thủy với chị, bỏ nhà ra đi để cho chị một mình nuôi các con trong thời gian dài và chị không biết thông tin về anh P. Hiện tại đối với yêu cầu ly hôn của anh P thì chị H đồng ý.

- Về con chung: Chị H và anh P chung sống có các con chung là Nguyễn Hữu B, sinh ngày 13/8/1995 và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 02/7/2006. Đối với Nguyễn Hữu B đã thành niên tự lao động sinh sống được, còn đối với Nguyễn Thị Thu N thì chị H có yêu cầu tiếp nuôi, không yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét giải quyết;

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, cụ thể không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo Thông báo của Tòa án.

Về giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh P về việc xin ly hôn với chị Ngô Thị H.

- Về con chung:

Đối với Nguyễn Hữu B, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1995 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không xem xét việc nuôi dưỡng.

Giao cho chị Ngô Thị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 02/7/2006 cho đến khi thành niên, ghi nhận chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Ngân mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh P và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét giải quyết;

- Về nợ chung: Anh P và chị H trình bày không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Anh Nguyễn Thanh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn và yêu cầu xem xét về việc nuôi con chung với chị Ngô Thị H. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh P được xác định vụ án có quan hệ pháp luật: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chị Ngô Thị H là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Tân Phước, xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Nguyễn Thanh P và chị Ngô Thị H đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Xét nội dung yêu cầu của anh P và chị H là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh P và chị H.

#### **[2] Về nội dung:**

##### **[2.1] Về quan hệ hôn nhân:**

Anh Nguyễn Thanh P và chị Ngô Thị H có đăng ký kết hôn, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 55, ngày 25 tháng 8 năm 2006 tại Ủy ban nhân xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên quan hệ hôn nhân của anh P và chị H là hợp pháp.

Anh P trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị không còn chung sống cách nay khoảng 8 năm, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nữa. Anh P có yêu cầu ly hôn với chị H.

Chị H trình bày nguyên nhân vợ chồng không chung sống với nhau là do anh P sống không chung thủy đã bỏ nhà đi để cho chị một mình nuôi các con, chị và anh không còn chung sống cách nay khoảng 10 năm, đối với yêu cầu ly hôn của anh P thì chị H đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng vẫn vắng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải về hôn nhân giữa anh P và chị H được.

Xét thấy, giữa anh P và chị H không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, anh chị đã không còn chung sống với nhau trong một thời gian dài.

Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của anh P và chị H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì

vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P để giải quyết cho anh P được ly hôn với chị H.

[2.2] Về con chung: Anh P và chị H trình bày thống nhất, anh chị chung sống có các con là Nguyễn Hữu B, sinh ngày 13/8/1995 và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 02/7/2006. Đối với Nguyễn Hữu B đã thành niên tự lao động sinh sống được nên phải xem xét việc nuôi dưỡng, còn đối với Nguyễn Thị Thu N anh P đồng ý để cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chị H có ý kiến không yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Ngân có ý kiến nếu Tòa án giải quyết cho chị anh P và chị H ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy để cho con chung của anh chị được ổn định về tâm lý, việc học tập và có sự thống nhất của anh P để cho chị H tiếp tục nuôi con nên giao cháu Ngân cho chị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ngân đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì chị H có quyền yêu cầu anh P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Ngân. Tuy nhiên do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Anh P và chị H trình bày thống nhất không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Anh P và chị H trình bày thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[4 Về án phí: Anh Nguyễn Thanh P phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí anh P đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh P. Anh Nguyễn Thanh P được ly hôn với chị Ngô Thị H.

2. Về con chung: Anh P và chị H có các con chung là Nguyễn Hữu B, sinh ngày 13/8/1995 và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 02/7/2006.

Đối với con chung là Nguyễn Hữu B, sinh ngày 13/8/1995 đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không phải xem xét về việc nuôi dưỡng.

Đối với con chung là Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 02/7/2006. Giao cho chị Ngô Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 02/7/2006 cho đến khi cháu Ngân đủ 18 tuổi, ghi nhận chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu Ngân.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Ngân mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh P và chị H tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh P và chị H trình bày thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004755 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Anh P đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Thanh Huệ**